

Tăng tỷ trọng

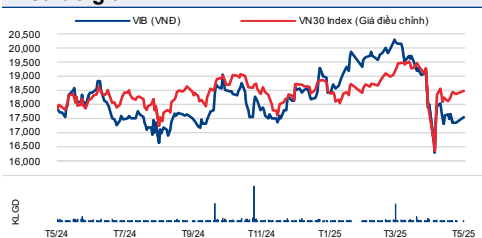
Giá mục tiêu: VNĐ22,100

Tiềm năng tăng/giảm: 26.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (6/5/2025)	17,500
Mã Bloomberg	VIB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	16,304-20,296
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	17,525
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	52,135
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	2,008
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,979
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	610
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	4.99%
Tỷ lệ sở hữu của NN	20.5%
Tỷ lệ freefloat	50.7%
Cổ đông lớn	Ngân hàng CBA (20.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
Tổng tài sản (ntđ)	409,878	464,181	539,898
Dư nợ cho vay (ntđ)	266,346	314,257	364,538
Tổng thu nhập HD (ntđ)	22,160	21,297	24,512
Lợi nhuận thuần (ntđ)	8,562	7,159	8,869
BVPS (đồng)	12,781	14,291	16,408
EPS (đồng)	2,885	2,412	2,988
DPS (đồng)	1,500	800	800
T.trưởng cho vay KH (%)	14.8	18.0	16.0
T.trưởng thu nhập HD (%)	22.7	(3.90)	15.1
Tăng trưởng EPS (%)	0.80	(16.4)	23.9
Tăng trưởng DPS (%)	-	(46.7)	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	52.0	33.2	26.8
ROAE (%)	24.3	17.8	19.4
ROAA (%)	2.27	1.64	1.77
Tỷ lệ NIM (%)	4.82	4.02	4.14
Tỷ lệ CIR (%)	29.8	35.9	36.1
Hệ số CAR (%)	12.2	11.9	11.8
Tỷ lệ nợ xấu (%)	3.14	3.40	2.80
LLR/nợ xấu (%)	51.0	33.3	38.6
Hệ số LDR (%)	113	117	115
P/B (lần)	1.37	1.22	1.07
P/E (lần)	6.07	7.26	5.86
Lợi suất cổ tức (%)	8.57	4.57	4.57

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VIB là một ngân hàng bán lẻ tầm trung tại Việt Nam, tập trung vào các lĩnh vực cho vay mua nhà và mua ô tô. Ngoài ra ngân hàng còn là một tên tuổi lớn trong thị trường bancassurance với thị phần lớn khoảng 15%.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

KQKD Q1/2025: Lợi nhuận HĐKD cốt lõi thấp hơn dự báo

- VIB đã công bố LNTT Q1 đạt 2.421 tỷ đồng, giảm 2% so với cùng kỳ và đi ngang so với quý trước, do thu nhập lãi thuần & thu nhập ngoài lãi suy giảm nhưng được bù đắp một phần nhờ chi phí dự phòng giảm 55%. LNTT bằng 22% dự báo cả năm của chúng tôi nhưng thu nhập lãi thuần và lãi thuần HĐ dịch vụ chỉ bằng lần lượt 19% và 16% dự báo của chúng tôi.
- Tín dụng tăng trưởng khiêm tốn 3,1% so với đầu năm trong khi tỷ lệ NIM thu hẹp 122 điểm cơ bản so với cùng kỳ (giảm 45 điểm cơ bản so với quý trước) xuống 3,1%. Chất lượng tài sản cũng gặp sức ép với tỷ lệ nợ xấu tăng 28 điểm cơ bản lên 3,51%.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 11% trong 3 tháng qua, VIB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,01 lần, thấp hơn 22% so với bình quân từ năm 2019 và tương đương bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo.

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2025

VIB đã công bố LNTT Q1 đạt 2.421 tỷ đồng, giảm 2% so với cùng kỳ và đi ngang so với quý trước, do thu nhập lãi thuần & thu nhập ngoài lãi suy giảm nhưng được bù đắp một phần nhờ chi phí dự phòng giảm 55%.

LNTT bằng 22% dự báo cả năm và thấp hơn một chút so với dự báo Q1 của chúng tôi, trong khi thu nhập lãi thuần & lãi thuần HĐ dịch vụ chỉ bằng lần lượt 19% và 16% dự báo của chúng tôi.

Tín dụng tăng trưởng khiêm tốn 3,1%

Dư nợ cho vay của VIB tăng khiêm tốn 3,1% so với đầu năm (so với bình quân các NHTM trong phạm vi phân tích là tăng 3,3% so với đầu năm) đạt 334 nghìn tỷ đồng, chủ yếu nhờ phân khúc khách hàng doanh nghiệp/DNNVV (tăng 10% so với đầu năm lên 77 nghìn tỷ đồng), trong khi phân khúc bán lẻ chỉ tăng 1,1% so với đầu năm lên 257 nghìn tỷ đồng. Từ đó, tỷ trọng phân khúc bán lẻ giảm xuống 77% từ 79% vào cuối Q4/2024.

Ngân hàng tiếp tục mở rộng phân khúc DNNVV để đa dạng hóa danh mục cho vay. Tuy nhiên, tỷ trọng phân khúc này mở rộng nhanh chóng đã làm giảm lãi suất cho vay bình quân, từ đó gây sức ép lên tỷ lệ NIM trong quý.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 7/5.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q1/2025, VIB

Trong Q1, LNTT của VIB hoàn thành 22% dự báo cả năm của HSC, thấp hơn một chút so với kỳ vọng

Tỷ đồng	Q1/24	Q1/25	% so với cùng kỳ	2025 HSCF	% dự báo
Thu nhập lãi thuần	4,036	3,737	-7%	20,007	19%
Thu nhập ngoài lãi	1,283	864	-33%	3,403	25%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	754	378	-50%	2,424	16%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	290	114	-61%	175	65%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	13	29	127%	100	29%
Thu nhập khác	226	343	52%	700	49%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	-	-	4	0%
Tổng thu nhập HĐ	5,319	4,601	-13%	23,409	20%
Chi phí HĐ	(1,871)	(1,759)	-6%	(8,349)	21%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	3,447	2,842	-18%	15,061	19%
Chi phí dự phòng	(945)	(421)	-55%	(4,245)	10%
LNTT	2,502	2,421	-3%	10,815	22%
Lợi nhuận thuần	2,001	1,936	-3%	8,652	22%

Nguồn: VIB, HSC

Đối với huy động, tiền gửi khách hàng tăng 2,2% so với đầu năm lên 282 nghìn tỷ đồng và giấy tờ có giá tăng 10,9% so với đầu năm lên 26 nghìn tỷ đồng. Vị thế vay liên ngân hàng đi ngang ở mức 123 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn của VIB cải thiện lên 15,1% từ 14,1% tại thời điểm cuối Q4/2024.

Tỷ lệ NIM giảm mạnh 122 điểm cơ bản so với cùng kỳ

Tỷ lệ NIM hàng quý của VIB giảm mạnh 45 điểm cơ bản so với quý trước và giảm 122 điểm cơ bản so với cùng kỳ xuống 3,1% trong Q1/2025, chủ yếu do lợi suất tài sản giảm 39 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 100 điểm cơ bản so với cùng kỳ) xuống 6,95%, trong khi chi phí huy động tăng nhẹ 6 điểm cơ bản so với quý trước (tăng 20 điểm cơ bản so với cùng kỳ) lên 4,22%.

Chiến lược mở rộng nhanh chóng phân khúc khách hàng doanh nghiệp và DNNVV đã gây sức ép giảm lên lãi suất cho vay và tỷ lệ NIM của VIB. Tuy nhiên, do lợi suất cho vay của VIB hiện đã điều chỉnh lại sát bình quân ngành, chúng tôi kỳ vọng tỷ lệ NIM sẽ sớm ổn định trong những quý tiếp theo.

Do tín dụng tăng trưởng 24,7% so với cùng kỳ và tỷ lệ NIM thu hẹp 122 điểm cơ bản so với cùng kỳ, thu nhập lãi thuần đã giảm 7% so với cùng kỳ trong Q1/2025 xuống 3.737 tỷ đồng, bằng 19% dự báo cả và thấp hơn dự báo Q1 của chúng tôi.

Thu nhập ngoài lãi kém tích cực nhưng sát với dự báo

Thu nhập ngoài lãi giảm 33% so với cùng kỳ xuống 864 tỷ đồng trong Q1/2025, do lãi thuần HĐ dịch vụ giảm 50% so với cùng kỳ xuống 378 tỷ đồng và lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối giảm 61% so với cùng kỳ xuống 114 tỷ đồng, do hoa hồng bancassurance sụt giảm (giảm 27% so với cùng kỳ) và đồng USD tăng giá.

Tuy nhiên, thu nhập khác đã tăng mạnh 52% so với cùng kỳ lên 343 tỷ đồng nhờ đẩy mạnh hoạt động thanh lý tài sản đảm bảo, đặc biệt là BĐS.

Chi phí hoạt động giảm hỗ trợ lợi nhuận thuần

Tổng chi phí hoạt động Q1 của VIB giảm 6% so với cùng kỳ xuống 1.759 tỷ đồng nhờ chi phí lao động ổn định (giảm 1% so với cùng kỳ xuống 1.245 tỷ đồng) và chi phí liên quan đến tài sản giảm 24% so với cùng kỳ xuống 269 tỷ đồng. Số lượng lao động của VIB đã giảm 4% so với quý trước xuống 11.214 người, có thể giúp chi phí tiền lương cả năm giảm xuống.

Hệ số CIR tăng lên 38% trong Q1/2025 từ 33% trong Q4/2024 và 35% trong Q1/2024.

Sức ép lên chất lượng tài sản gia tăng

Tỷ lệ nợ xấu của VIB tăng lên 3,79% từ 3,51% tại thời điểm cuối Q4/2024 trong khi tỷ lệ nợ nhóm 2 vẫn ổn định ở mức 3,31%. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR giảm đáng kể xuống 39% từ 50% trong Q4/2024. Chất lượng tài sản của VIB, phù hợp với xu hướng của ngành, tiếp tục chịu sức ép và chắc chắn sẽ không sớm cải thiện trước những tác động tiềm ẩn từ chính sách thuế quan.

Chi phí dự phòng giảm đáng kể 55% so với cùng kỳ xuống 421 tỷ đồng trong Q1/2025, giúp chi phí tín dụng giảm xuống 0,55% từ 1,54% trong Q4/2024. Tuy nhiên, do chi phí dự phòng chỉ bằng 10% dự báo Q1 của chúng tôi trong khi triển vọng nợ xấu suy yếu, chất lượng tài sản và chất lượng lợi nhuận của VIB có vẻ đều đang phải đối mặt với rủi ro giảm.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo

Sau khi giá cổ phiếu giảm 11% trong 3 tháng qua, VIB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,01 lần, thấp hơn 22% so với bình quân từ năm 2019 ở mức 1,27 lần và tương đương bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo.

Do lợi nhuận HĐKD cốt lõi và chất lượng tài sản của VIB suy giảm trong Q1/2025, cùng ảnh hưởng dự kiến từ chính sách thuế quan, HSC vẫn giữ quan điểm thận trọng đối với triển vọng lợi nhuận của Ngân hàng trong năm 2025.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Thu nhập lãi	27,509	35,568	32,124	38,832	46,833
Chi phí lãi	(12,547)	(18,207)	(15,108)	(18,626)	(22,915)
Thu nhập lãi thuần	14,963	17,361	17,016	20,206	23,918
Lãi thuần HĐ dịch vụ	3,188	3,327	2,728	3,328	3,898
Lãi thuần HĐ KDNH	(275)	548	500	175	200
Lãi/lỗ từ mua bán CK	(176)	130	150	100	100
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	2.90	3.35	3.35	3.35	3.35
Thu nhập khác	355	792	900	700	500
Tổng thu nhập HĐ	18,058	22,160	21,297	24,512	28,619
Chi phí HĐ	(6,197)	(6,611)	(7,644)	(8,853)	(10,073)
LN trước dự phòng	11,861	15,550	13,653	15,659	18,546
Chi phí dự phòng	(1,280)	(4,847)	(4,704)	(4,572)	(4,669)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	10,581	10,703	8,948	11,086	13,877
Chi phí thuế TNDN	(2,112)	(2,141)	(1,790)	(2,217)	(2,775)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	8,469	8,562	7,159	8,869	11,102
EPS (đồng)	2,862	2,885	2,412	2,988	3,740
DPS (đồng)	-	1,500	800	800	600
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,959	2,968	2,968	2,968	2,968
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,959	2,968	2,979	2,979	2,979
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,959	2,968	2,968	2,968	2,968

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	1,618	1,681	1,892	2,499	1,891
Tiền gửi tại NHNN	10,063	8,218	5,394	6,365	7,383
Tiền gửi tại các TCTD khác	51,900	68,198	78,427	94,113	107,759
Chứng khoán kinh doanh	103	16.4	16.4	16.4	16.4
Các công cụ tài chính phái sinh	21.0	157	157	157	157
Số dư cho vay thuần	228,879	262,074	310,696	360,597	418,483
Tổng dư nợ cho vay	231,944	266,346	314,257	364,538	422,864
Dự phòng rủi ro	(3,065)	(4,271)	(3,560)	(3,941)	(4,380)
Chứng khoán đầu tư	40,279	60,988	57,857	65,926	75,144
CK đầu tư sẵn sàng để bán	40,250	60,956	57,908	65,978	75,196
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	42.4	42.4	42.4	42.4	42.4
Dự phòng rủi ro	(14.0)	(10.3)	(94.3)	(94.3)	(94.3)
Đầu tư dài hạn	69.5	69.5	69.5	69.5	69.5
Tài sản cố định	702	756	794	834	875
Tài sản khác	9,435	7,720	8,878	9,322	9,322
Tổng tài sản	343,069	409,878	464,181	539,898	621,100
Nợ phải trả	310,418	371,942	421,608	491,016	563,126
Tiền gửi của NHNN	0	0	0	0	0
Tiền gửi của các TCTD khác	71,166	98,640	113,436	130,451	147,410
Tổng tiền gửi KH	200,124	236,577	269,698	318,244	369,163
Trái phiếu và CCTG	31,775	23,897	26,287	28,915	31,807
Nợ khác	7,345	12,821	12,180	13,398	14,737
Vốn chủ sở hữu	32,651	37,936	42,574	48,882	57,974
Vốn điều lệ	21,077	25,368	29,791	29,791	29,791
Thặng dư vốn cổ phần	1.54	1.63	1.63	1.63	1.63
Lợi nhuận giữ lại	9,055	9,099	8,229	13,207	20,634
Quỹ & vốn khác của CSH	2,518	3,470	4,552	5,882	7,548
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	343,069	409,878	464,181	539,898	621,100
BVPS (đồng)	11,034	12,781	14,291	16,408	19,460

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	10.8	19.5	13.2	16.3	15.0
Tăng trưởng cho vay KH (%)	15.1	14.8	18.0	16.0	16.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	15.3	18.2	14.0	18.0	16.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	7.43	12.3	13.6	17.3	15.5
Tăng trưởng VCSH (%)	34.4	16.2	12.2	14.8	18.6
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	26.6	16.0	(1.99)	18.7	18.4
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	17.3	6.67	15.6	15.8	13.8
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	23.4	31.1	(12.2)	14.7	18.4
Tăng trưởng LNTT (%)	32.1	1.15	(16.4)	23.9	25.2
Tăng trưởng LN thuần (%)	32.1	1.11	(16.4)	23.9	25.2
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	5.53	5.89	4.87	4.88	4.93
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.90)	(1.76)	(1.75)	(1.76)	(1.74)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	91.7	95.6	96.8	97.1	97.4
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.74	2.03	1.86	2.04	2.27
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	49.0	48.5	39.8	48.3	59.3
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	6.11	6.07	7.26	5.86	4.68
P/B (lần)	1.59	1.37	1.22	1.07	0.90
Lợi suất cổ tức (%)	-	8.57	4.57	4.57	3.43

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	46.9	38.6	33.6	36.2	38.8
ROAA (%)	2.60	2.27	1.64	1.77	1.91
ROAE (%)	29.7	24.3	17.8	19.4	20.8
Chi phí huy động BQ (%)	4.30	5.50	3.93	4.20	4.47
Lợi suất góp BQ (%)	9.19	9.88	7.59	7.96	8.29
Lợi suất thuần (%)	4.89	4.39	3.66	3.76	3.82
Tỷ lệ NIM (%)	5.00	4.82	4.02	4.14	4.23
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	17.7	15.0	12.8	13.6	13.6
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	82.9	78.3	79.9	82.4	83.6
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	(0.52)	6.65	7.29	3.99	2.81
Tỷ lệ CIR (%)	34.3	29.8	35.9	36.1	35.2
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	52.0	33.2	26.8	16.0
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.6	12.2	11.9	11.8	12.2
VCSH/Tổng TS (%)	9.52	9.26	9.17	9.05	9.33
Đòn bẩy vốn (lần)	10.5	10.8	10.9	11.0	10.7
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.45	3.14	3.40	2.80	2.40
Hệ số LLR (%)	53.9	51.0	33.3	38.6	43.2
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	116	113	117	115	115
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	23.5	27.5	27.7	27.3	26.9
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	67.6	65.0	67.7	67.5	68.1
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	173	176	180	184	187
Số lượng nhân viên	10,390	10,909	11,455	12,027	12,629

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn